

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Xét Báo cáo số/BC-UBND ngày tháng 11 năm 2022; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng 11 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tạo động lực mới để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, vững chắc. Tập trung thực hiện mạnh mẽ các giải pháp phục hồi sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý cao hơn mức bình quân của cả nước. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông kết nối vùng. Phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho sản xuất kinh doanh. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đảm bảo quốc phòng an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội và đẩy mạnh hoạt động đối ngoại.

Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 8% so với năm 2022.
- Cơ cấu kinh tế: tỷ lệ nông lâm thủy sản chiếm 20,8%, công nghiệp xây dựng 48%, dịch vụ chiếm 31,2%, trong đó kinh tế số chiếm tỷ trọng 8%.
- GRDP bình quân đầu người: 93,5 triệu đồng, tăng 9,9% so với năm 2022.

d) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 35.000 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2022.

đ) Kim ngạch xuất khẩu: 4.150 triệu USD, tăng 7,8% so với năm 2022.

e) Thu ngân sách là 16.130 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2022.

ê) Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài 300 triệu USD tăng 100% so với năm 2022. Thu hút đầu tư trong nước 12.000 tỷ đồng tăng 20% so với năm 2022.

g) Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 1.200 doanh nghiệp tăng 9% so với năm 2022.

h) Số hợp tác xã đăng ký thành lập mới trong năm là 30 hợp tác xã (bằng 100% so với năm 2022).

2. Các chỉ tiêu xã hội, môi trường.

a) Giảm 2.000 hộ nghèo (tương ứng với giảm 0,7% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới), trong đó giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số (tương ứng 2% trên tổng số hộ DTTS).

b) Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị <3%.

c) Lao động được giải quyết việc làm trong năm là 40.000 người.

d) Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 65%.

đ) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 45,1%.

e) Số giường bệnh trên vạn dân là 29 giường.

ê) Số bác sỹ trên vạn dân là 8,9 bác sỹ.

g) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng là 10%.

h) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế là 93%.

i) Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội là 38%.

k) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm là 7 xã.

l) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt là 99,2%.

m) Tỷ lệ che phủ rừng (chung) là 75,49%.

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp.

1 **Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhóm chính sách theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ. Đẩy nhanh việc giải ngân các chính sách, đặc biệt là các chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách hỗ trợ 2% lãi suất đối với các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tránh trục lợi chính sách.

2. Tiếp tục thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

a) *Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn*

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả đề án Tái cơ cấu toàn diện ngành nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, mã vùng trồng, đăng ký quyền bảo hộ và sở hữu trí tuệ các sản phẩm nông nghiệp, tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP. Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án đã được UBND tỉnh ban hành như: ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, phát triển chăn nuôi theo hướng vùng an toàn dịch bệnh; hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch; nâng cấp và phát triển hệ thống thủy lợi, khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân.

b) Lĩnh vực công nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch các khu công nghiệp phía Nam Đồng Phú. Triển khai xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Triển khai có hiệu quả các đề án của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU đã được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương, định hướng về phát triển triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp; công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến.

c) Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển hệ thống thương mại, thương mại điện tử và thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức xúc tiến thương mại tại các thị trường tiềm năng nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu trong bối cảnh suy giảm kim ngạch xuất khẩu thị trường truyền thống, đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch;

d) Lĩnh vực khoa học và công nghệ

Tiếp tục phối hợp với các Viện, Trường đại học thực hiện một số nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyển giao, ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ đi vào thực tiễn cuộc sống.

3. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ và nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư công.

Tiếp tục bám sát và hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của Chính phủ và Bộ Giao thông Vận tải đối với đường cao tốc Chơn Thành – Đăk Nông và các dự án giao thông kết nối liên vùng.

Tập trung triển khai thực hiện, đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI như: đường Đồng Phú – Bình Dương, dự án nâng cấp mở rộng QL.14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trên các trục đường song song, trục kết nối với các tuyến đường ĐT741, QL13, QL14; các tuyến đường tránh qua nội ô của các đô thị tạo không gian thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2023, nhất là tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thủ tục đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Thực hiện đấu thầu công khai, minh bạch các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

4. Tập trung khai thác nguồn thu và tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch khai thác nguồn thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước phù hợp với thực tế, phấn đấu đạt 16.130 tỷ đồng. Khẩn trương hoàn thành các thủ tục để đấu giá quyền sử dụng đất, đảm bảo nguồn thu theo dự toán và giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển và các chính sách an sinh xã hội.

5. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư của tỉnh đảm bảo thông thoáng, công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật. Triển khai kêu gọi đầu tư theo Danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025.

Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, phát triển hợp tác xã; nâng cao hiệu quả quỹ khởi nghiệp; mời gọi các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn đến đầu tư tại tỉnh. Thành lập hiệp hội doanh nghiệp, phát huy vai trò đại diện lợi ích cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Tổ chức gỡ gỡ từng loại hình doanh nghiệp, phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ phản ứng nhanh để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Tập trung tháo gỡ những dự án lớn đang gặp khó khăn trên địa bàn tỉnh.

6. Phát triển văn hóa xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân.

a) Văn hóa, thể dục, thể thao và du lịch

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch nâng cao chất lượng phong trào thể dục thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh. Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển du lịch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 có hiệu quả.

b) Giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác đổi mới, nội dung, chương trình và phương pháp dạy học tại các trường từ Mầm non đến Trung học phổ thông theo đúng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của ngành. Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập theo hình thức xã hội hóa; kế hoạch về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025; kế hoạch dạy song ngữ Việt-Anh.

Bố trí nguồn lực, sớm đưa Đề án tái cấu trúc Trường Cao đẳng Bình Phước giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2045 vào triển khai, đáp ứng năng lực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

c) Y tế

Thực hiện có hiệu quả, kịp thời Chương trình phòng chống dịch Covid-19

năm 2023 theo chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương và của Bộ Y tế. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án về nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và dự án nâng cấp mở rộng Trung tâm y tế thị xã Bình Long. Đẩy mạnh thực hiện tốt đề án khám, chữa bệnh từ xa giai đoạn 2021-2025, kế hoạch triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử giai đoạn 2022-2025. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

d) An sinh xã hội và giảm nghèo

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công, bảo trợ xã hội; đẩy mạnh phong trào “đền ơn đáp nghĩa” đặc biệt là phát huy các nguồn lực xã hội hóa. Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức thực hiện hiệu quả, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp về lồng ghép nguồn lực để triển khai kịp thời, đầy đủ các dự án, chính sách hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

e) Công tác dân tộc

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 giai đoạn I (2021-2025). Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch huy động nguồn vốn đầu tư từ nguồn lực đất đai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Quản lý chặt chẽ tài nguyên đất và tài nguyên khoáng sản. Triển khai các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại bãi rác của các huyện, thị xã, thành phố; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp. Đầu tư hệ thống quan trắc chất lượng nguồn nước, hệ thống giám sát các hoạt động xả nước thải; hệ thống giám sát quy trình vận hành các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên dòng sông Bé để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.

8. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số.

Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với cá thể hóa trách nhiệm và tăng cường kiểm tra, giám sát. Có biện pháp quyết liệt để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX. Triển khai xây dựng, thực hiện Đề án tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2022-2030.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình chuyển đổi số tại tỉnh, trong đó tập trung các giải pháp về phát triển hạ tầng số; phát triển chính quyền số; kinh tế số và xã

hội số.

9. Xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương tinh gọn, đủ sức chiến đấu; xây dựng khu vực phòng thủ vững toàn diện, mạnh trọng điểm trên cơ sở củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm chế, giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các biên bản ghi nhớ hợp tác với các tỉnh của Campuchia và Lào. Tăng cường phối hợp Đại sứ quán các nước trong chương đẩy mạnh giao lưu văn hóa và xúc tiến đầu tư, thương mại.

10. Đẩy mạnh thông tin truyền thông và công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả. Thông tin đầy đủ kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TTTU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng